Tên: ……...

Lớp: S5…

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…./….

Week: 8

Từ vựng & Ngữ pháp HW: …….

Nghe HW: …….

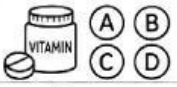
UNIT 2: FOOD AND HEALTH - VOCABULARY REVISION

A. THEORY

I. VOCABULARY REVISION

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại các từ nhé:
https://on.soundcloud.com/f7RfU2su2NUKfwKa1y

1. Food and Nutrition

No.	Words/Phrases	Meanings	Pictures
1	calcium (n)	canxi	
2	fibre (n)	chất xơ	
3	protein (n)	chất đạm	
4	vitamin (n)	vitamin	
5	mineral (n)	khoáng chất	
6	dairy product (phr)	sản phẩm từ sữa	
7	grain (n)	ngũ cốc	

2. Common Illnesses

No.	Words/Phrases	Meanings	Pictures
8	ear infection (phr)	nhiễm trùng tai	
9	allergic reaction (phr)	phản ứng dị ứng	
10	skin rash (phr)	phát ban da	
11	chest infection (phr)	nhiễm trùng đường hô hấp dưới	
12	sore throat (phr)	đau họng	

3. Mosquitoes and Malaria

No.	Words/Phrases	Meanings	Pictures	No.	Words/Phrases	Meanings	Pictures
13	mosquito (n)	muỗi		18	repellent (n)	thuốc xua muỗi	
14	bite (n)	vết cắn / vết đốt		19	nectar (n)	mật hoa	
15	lay eggs (phr)	đẻ trứng		20	lifespan (n)	tuổi thọ	
16	puddle (n)	vũng nước		21	mosquito coil (phr)	nhang muỗi	
17	malaria (n)	bệnh sốt rét		22	mosquito net (phr)	màn chống muỗi	

LIVEWORKSHEETS

II. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại các từ nhé:
https://on.soundcloud.com/fgnBiWKCdZNXXnxFNm

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	village (n)	làng		4	look (+adj) (phr)	trông có vẻ...	
2	(be) on offer (phr)	đang giảm giá		5	excuse me (phr)	xin lỗi / cho tôi hỏi	
3	catch the bus (phr)	bắt xe buýt		6	not at all (phr)	hoàn toàn không	

**Note:* *n = noun: danh từ, phr = phrase: cụm từ.*

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục II. EXTRA VOCABULARY (trang 2) một dòng vào vở.

II. Choose the best answer to complete each sentence.

0. Milk, cheese, and yogurt are examples of a _____.

A. skin rash *B. dairy products* *C. sore throat*

1. You should eat meat, eggs, and fish because they contain a lot of _____.

A. protein B. ear infection C. skin rash

2. Milk contains ____, which helps keep your bones strong.

A. sore throat B. calcium C. allergic reaction

3. Vegetables have a lot of _____, which is good for your health.

A. fibre B. chest infection C. ear infection

4. Tom cannot hear well today because he has an _____.

A. mineral B. ear infection C. grain

5. My throat hurts and it is hard to swallow food. I have a _____.

A. sore throat B. dairy product C. protein

LIVEWORKSHEETS

III. Read the text and choose the correct answer.

Mosquitoes and Malaria

A mosquito is a small insect. Female mosquitoes drink blood, and their bite can cause a red spot on your skin. Sometimes, a bite can spread a disease called malaria. Mosquitoes like to lay eggs in water, especially in a puddle after rain. Male mosquitoes drink nectar from flowers. Mosquitoes have a short lifespan. To protect yourself, you can use repellent on your skin, burn a mosquito coil, or sleep under a mosquito net.

0. A mosquito is a small .....

A. insect *B. plant* *C. bird*

1. A mosquito ..... can make your skin red.

A. net B. bite C. puddle

2. Mosquitoes like to ..... in water.

A. drink nectar B. lay eggs C. burn coils

3. "Malaria" is a .....

A. sweet drink from flowers

B. small water spot on the ground

C. disease spread by mosquitoes

4. You can put ..... on your skin to keep mosquitoes away.

A. nectar B. repellent C. a puddle

5. "Lifespan" means .....

A. how long an insect lives

B. how fast an insect flies

C. how many eggs an insect lays

IV. Correct the underlined mistake, then write the FULL correct sentence.

*0. She **is like** ice cream.*

→ She likes ice cream.

1. My brother does not **plays** football on Sundays.

→ _____

2. They **is** happy because today is the weekend.

→ _____

3. **Does** you drink warm milk before going to bed?

→ _____

4. The students **reads** books in the library every afternoon.

→ _____

5. A female mosquito **live** near water and lays eggs in puddles.

→ _____

LIVEWORKSHEETS

LISTENING PRACTICE (10 Questions)

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe nhé:
https://on.soundcloud.com/j0JvqQZ9ifjtivwKDP

I. For these questions, choose the correct answer. You can listen twice.

1. Where does Thiago live?



A



B



C

2. Which is Lucy's family?


A


B



C

3. How much is the bag?



A

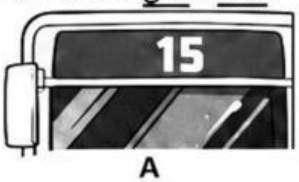


B

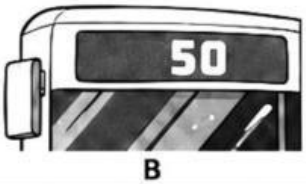


C

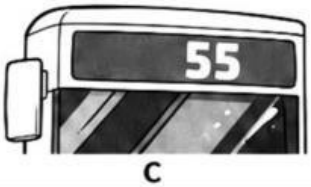
4. Which is the girl's bus?



A



B



C

5. Which is Charlotte's favourite photo?


A

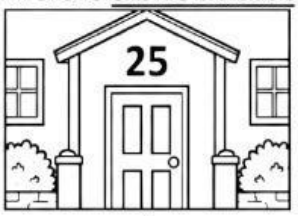

B


C

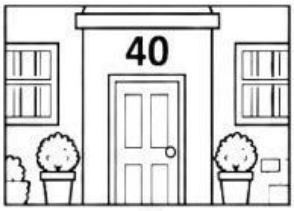
LIVEWORKSHEETS

II. Listen again and choose the correct answer. You can listen twice.

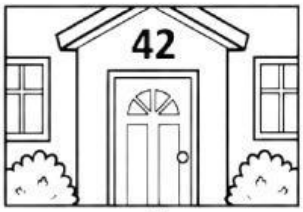
1. Where is Stevie's house?



A

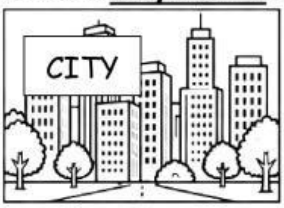


B

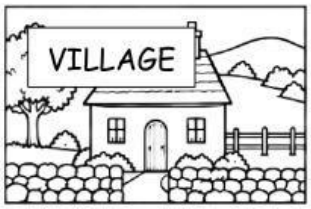


C

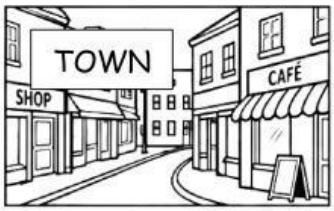
2. Where is Lucy's home?



A



B



C

3. How much was the bag before it was on offer?



A



B

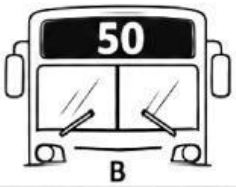


C

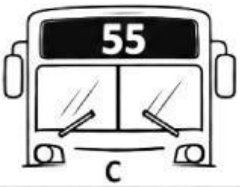
4. Which bus is for the boy?



A



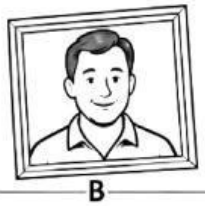
B



C

5. Which photo doesn't Charlotte like?


A


B


C

LIVEWORKSHEETS